HẠNG MỤC			FORESTER 2.5 e-BOXER HYBRID	FORESTER 2.5 BOXER
			Dẫn động bốn bánh toàn thời gian đối xứng S-AWD	Dẫn động bốn bánh toàn thời gian đối xứng S-AWD
			2.5 i-S EyeSight	2.5 i-S EyeSight
			2.5L phun nhiên liệu trực tiếp + hệ thống hybrid (e-BOXER)	2.5L phun nhiên liệu trực tiếp
			Hybrid Lineartronic với chế độ Manual	Lineartronic với chế độ Manual
Động cơ				
Loại			Động cơ xăng 4 kỳ, 4 xi-lanh đối đỉnh nằm ngang	Động cơ xăng 4 kỳ, 4 xi-lanh đối đỉnh nằm ngang
			DOHC 16 van	DOHC 16 van
Đường kính xy-lanh/Hành trình piston		mm	94.0 x 90	94.0 x 90
Dung tích xy-lanh		cc	2498	2498
Tỷ số nén			12,0	12,0
Hệ thống nhiên liệu			Phun nhiên liệu trực tiếp	Phun nhiên liệu trực tiếp
Dung tích bình nhiên liệu		lít	63	63
Tính năng vận hành				
Công suất cực đại (DIN)		kW (PS) /rpm	121 (164) / 5,600	136 (185) / 5,800
Mô-men xoắn cực đại (DIN)		Nm (kgfm) /rpm	209 (21.3) / 3,600 – 4,800	247 (25.2) / 3,700
Tốc độ tối đa		km/h	182	205
Khả năng tăng tốc (0–100 km/h)		giây	9,4	9,7
Mức tiêu thụ nhiên liệu*1	Trong đô thị	lit./100 km	5,41	9,8
	Ngoài đô thị	lit./100 km	6,64	5,6
	Hỗn hợp	lit./100 km	6,18	7,1
Lượng phát thải CO_2*1	Trong đô thị	g/km	145	229
	Ngoài đô thị	g/km	137	152
	Hỗn hợp	g/km	140	180
Mô-tơ điện				
Loại			Mô-tơ đồng bộ dòng điện xoay chiều 3 pha	
Công suất cực đại		kW (PS)	90 (122)	
Mô-men xoắn cực đại		Nm (kgfm)	276 (28.1)	
Pin cao áp				
Loại			Pin lithium-ion	
Điện áp định mức		V	259	
Dung lượng định mức		Ah	4,3	
Hệ thống truyền động				
Loại hệ thống dẫn động bốn bánh			Khớp nối AWD điều khiển điện tử	Phân chia mô-men xoắn chủ động ACT-4
Kích thước & trọng lượng				
Chiều dài tổng thể		mm	4655	4655
Chiều rộng tổng thể		mm	1830	1830
Chiều cao tổng thể		mm	1730	1730
Chiều dài cơ sở		mm	2670	2670
Vệt bánh xe	Trước	mm	1570	1570
	Sau	mm	1575	1575
Khoảng sáng gầm xe tối thiểu (ở trạng thái không tải)		mm	220	220
Dung tích khoang hành lý*2		lít	1655*3	1675*3
Số chỗ ngồi		người	5	5
Trọng lượng không tải		kg	1760	1634
Khung gầm				
Hệ thống lái			Trợ lực lái điện trục kép	Trợ lực lái điện trục kép
Hệ thống treo độc lập 4 bánh	Trước		Kiểu MacPherson	Kiểu MacPherson
	Sau		Kiểu tay đòn kép	Kiểu tay đòn kép
Bán kính quay vòng tối thiểu tại lốp		m	5,4	5,4
Phanh	Trước		Phanh đĩa thông gió	Phanh đĩa thông gió
	Sau		Phanh đĩa thông gió	Phanh đĩa thông gió
Kích thước lốp/mâm xe			235/50R19, 19×7 1/2"J	225/55R18, 18×7J

*1 Mức tiêu thụ nhiên liệu và lượng phát thải CO_2: được thử nghiệm theo Cục đăng kiểm Việt Nam
*2 Đo theo VDA (V214).
*3 Đo khi có cửa sổ trời.
Trọng lượng không tải của xe thay đổi tùy theo loại trang bị tùy chọn được lắp đặt. Dữ liệu thông số kỹ thuật và danh mục phiên bản có thể thay đổi tùy theo từng thị trường.

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN VÀ TÙY CHỌN

Ngoại thất		
Đèn pha tự động bật/tắt	•	•
Đèn pha LED với chức năng tự động cân bằng góc chiếu	•	•
Bộ rửa đèn pha tự động	•	•
Đèn sương mù phía trước LED	•	•
Cụm đèn hậu tích hợp LED	•	•
Gương chiếu hậu ngoài tự động gập	•	•
Cảm biến gạt mưa tự động	•	•
Gạt mưa kính chắn gió gián đoạn điều chỉnh được	•	•
Gạt mưa kính sau gián đoạn	•	•
Kính chống tia UV: kính chắn gió và kính cửa sổ bên phía trước	•	•
Mâm hợp kim nhôm 19 inch	•	
Mâm hợp kim nhôm 18 inch		•
Ốp bảo vệ thân xe bên hông	•	•
Hốc thoát gió trên vè trước	•	•
Cửa sổ trời kính chỉnh điện, trượt và điều chỉnh góc nghiêng	•	•
Thanh giá nóc kiểu thể thao	•	•
Cánh lướt gió nóc	•	•
Ăng-ten dạng vây cá mập	•	•
Chụp ống xả	•	•

Trang bị tiêu chuẩn trên tất cả các phiên bản:
• Đèn pha tự động bật/tắt • Bộ rửa đèn pha dạng bật lên • Gạt mưa kính chắn gió tự động cảm biến mưa
• Gạt mưa kính chắn gió gián đoạn điều chỉnh được • Gạt mưa kính sau gián đoạn

Ghế ngồi / Nội thất		
Vô-lăng bọc da với đường chỉ khâu màu nâu	•	•
Cần số bọc da	•	•
Ghế bọc da	•	•
Ghế lái chỉnh điện 10 hướng với hỗ trợ thắt lưng	•	•
Gương chiếu hậu ngoài liên kết với bộ nhớ ghế lái, tự động cụp khi lùi	•	•
Ghế hành khách phía trước chỉnh điện 8 hướng	•	•
Tựa lưng ghế sau gập theo tỷ lệ 60/40	•	•
Tựa lưng ghế sau ngả được	•	•
Tựa lưng ghế sau gập một chạm	•	•
Túi phía sau tựa lưng ghế (phía sau cả hai ghế trước)	•	•
Tiện nghi / Thoải mái		
Kính cửa sổ chỉnh điện*1	•	•
Chìa khóa thông minh và khởi động bằng nút bấm	•	•
Đèn chào mừng	•	•
Xi-nhan chuyển làn một chạm	•	•
Hộp đựng kính trần xe	•	•
Đèn đọc bản đồ LED	•	•
Đèn khoang hành lý LED	•	•
Đèn chiếu sáng cửa (phía trước)	•	•
Gương trang điểm có nắp che và đèn (ghế lái và ghế hành khách phía trước)	•	•
Đèn viền khu vực bảng điều khiển trung tâm	•	•
Hộp đựng đồ bảng điều khiển trung tâm	•	•
2 khay giữ cốc phía trước (trên bảng điều khiển trung tâm)	•	•
Hộc cửa tích hợp ngăn giữ chai (trên tất cả các cửa bên)	•	•
Bệ tỳ tay trung tâm ghế sau tích hợp 2 khay giữ cốc	•	•
Hai ổ cắm điện 12 V (tại bảng điều khiển trung tâm và khoang hành lý)	•	•
Cốp điện tích hợp cảm biến đá cốp	•	•
Móc treo túi trong khoang hành lý (x4)	•	•
Móc lưới giữ hành lý (x4)	•	•

Móc treo hành lý phía trên (x2)	•	•
Tấm che khoang hành lý có thể thu gọn	•	•
Hộp đựng đồ (bên dưới sàn khoang hành lý)	•	•
Lốp dự phòng		•
Bộ sửa chữa lốp	•	

Trang bị tiêu chuẩn trên tất cả các phiên bản:
• Kính cửa sổ chỉnh điện*1 • Đèn chào mừng • Xi-nhan chuyển làn một chạm • Hộp đựng kính trên trần • Đèn đọc bản đồ LED
• Đèn chiếu sáng cửa (phía trước) • Gương trang điểm có nắp che và đèn (ghế lái và ghế hành khách phía trước)
• Đèn viền khu vực bảng điều khiển trung tâm • Hộp đựng đồ bảng điều khiển trung tâm • 2 khay giữ cốc phía trước (trên bảng điều khiển trung tâm)
• Hộc cửa tích hợp ngăn giữ chai (trên tất cả các cửa bên) • Bệ tỳ tay trung tâm ghế sau tích hợp 2 khay giữ cốc
• Móc treo túi trong khoang hành lý (x4) • Móc lưới giữ hành lý (x4) • Móc treo hành lý phía trên (x2)
Trang bị tiêu chuẩn trên tất cả các phiên bản:
• Bộ sấy kính sau điều khiển điện có hẹn giờ • Hệ thống thông gió phía sau

Hệ thống điều hòa		
Hệ thống điều hòa tự động 2 vùng độc lập	•	•
Điều hòa điều khiển bằng giọng nói	•	•
Gương chiếu hậu ngoài có sưởi	•	•
Bộ sấy kính sau điều khiển điện có hẹn giờ	•	•
Hệ thống thông gió phía sau	•	•
Giải trí		
Hệ thống thông tin giải trí cao cấp màn hình Full HD 11,6 inch với 10 loa Harman/Kardon + loa siêu trầm + bộ khuếch đại 8 kênh	•	
Hệ thống thông tin giải trí tiêu chuẩn với màn hình Full HD 11,6 inch và 6 loa		•
Apple CarPlay*2 không dây và Android Auto*3*4	•	•
Khóa bằng mã PIN	•	•
Công tắc điều khiển âm thanh trên vô-lăng	•	•
Hệ thống nhận diện giọng nói	•	•
Phát âm thanh Bluetooth®*5 và kết nối điện thoại rảnh tay	•	•
Cổng USB phía trước (Type-A và Type-C) và giắc đầu vào âm thanh phụ	•	•
Cổng cấp nguồn USB phía sau (Type-A và Type-C) phía sau hộp bảng điều khiển trung tâm	•	•
Bộ sạc không dây*4*6 (khay trung tâm bảng táp-lô)	•	•
Điều khiển / Đồng hồ		
Cụm đồng hồ S:HEV với màn hình LCD màu 4,2 inch	•	
Cụm đồng hồ hai mặt với màn hình LCD màu 4,2 inch		•
Vô-lăng điều chỉnh độ nghiêng / độ xa-gần	•	•
Lẫy chuyển số	•	•
Khả năng vận hành		
SI-DRIVE (Chế độ lái thông minh SUBARU)*7	•	•
X-MODE hai cấp độ	•	•
Hệ thống Hỗ trợ Đổ đèo	•	•
Giữ phanh tự động	•	•
Điều hướng mô-men xoắn chủ động ATV	•	•
Tự động dừng/khởi động động cơ	•	•
Hệ thống kiểm soát động lực học xe VDC	•	•
Hệ thống kiểm soát động lực học khi kéo mooc	•	•
Phanh tay điện tử	•	•
Chế độ lái EV	•	

Trang bị tiêu chuẩn trên tất cả các phiên bản:
• Tự động dừng/khởi động động cơ • Phanh tay điện tử

EyeSight		
Hệ thống Phanh tránh va chạm	•	•
Hệ thống đánh lái khẩn cấp tự động	•	•
Kiểm soát hành trình thích ứng	•	•
Hỗ trợ giữ làn đường và Hỗ trợ đánh lái theo xe phía trước	•	•
Tránh chệch làn đường	•	•
Kiểm soát bướm ga tránh va chạm	•	•
Cảnh báo xe phía trước di chuyển	•	•
Đèn pha thông minh HBA	•	•
An toàn		

Túi khí SRS*8 phía trước	•	•
Túi khí SRS*8 bên hông phía trước (ghế lái và ghế hành khách phía trước)	•	•
Túi khí rèm SRS*8 (phía trước và phía sau, hai bên)	•	•
Túi khí đầu gối SRS*8 (ghế lái)	•	•
Túi khí đệm ghế SRS*8 (ghế hành khách phía trước)	•	•
Đèn pha tự điều chỉnh theo góc lái (SRH)	•	•
Đèn chiếu góc cua LED	•	•
Hệ thống phát hiện phương tiện phía sau Subaru (SRVD)	•	•
Phanh tự động khi lùi (RAB)	•	•
Gương chiếu hậu chống chói tự động	•	•
Gương chiếu hậu phía hành khách dạng phi cầu	•	•
Hệ thống camera 360 Multi View Monitor	•	•
Camera quan sát phía sau	•	•
Hệ thống giám sát người lái DMS	•	•
Hệ thống hỗ trợ dừng xe khẩn cấp EDSS	•	•
Đèn báo dây đai an toàn	•	•
Điểm neo dây đai an toàn điều chỉnh độ cao (ghế lái và ghế hành khách phía trước)	•	•
Dây đai an toàn phía trước có lưỡi khóa cố định, bộ căng đai và bộ hạn chế lực	•	•
Dây đai an toàn 3 điểm phía sau có lưỡi khóa cố định, bộ căng đai và bộ hạn chế lực (ghế giữa: chỉ có dây đai 3 điểm)	•	•
Hệ thống chống bó cứng phanh 4 bánh (ABS)	•	•
Hệ thống hỗ trợ phanh	•	•
Kiểm soát phanh sau va chạm	•	•
Điểm neo ghế trẻ em ISO-FIX (có điểm neo dây giữ phía trên)	•	•
Nhắc nhở kiểm tra ghế sau	•	•
Khóa an toàn trẻ em cửa sau (hai bên)	•	•
Hệ thống mã hóa động cơ	•	•

Trang bị tiêu chuẩn trên tất cả các phiên bản:
• Đèn báo dây đai an toàn
• Điểm neo dây đai an toàn điều chỉnh độ cao (ghế lái và ghế hành khách phía trước)
• Dây đai an toàn phía trước có lưỡi khóa cố định, bộ căng đai và bộ hạn chế lực
• Dây đai an toàn 3 điểm phía sau có lưỡi khóa cố định, bộ căng đai và bộ hạn chế lực (ghế giữa: chỉ có dây đai 3 điểm)
• Hệ thống chống bó cứng phanh 4 bánh (ABS) • Hệ thống hỗ trợ phanh • Kiểm soát phanh sau va chạm
• Điểm neo ghế trẻ em ISO-FIX (có điểm neo dây giữ phía trên) • Nhắc nhở ghế sau
• Khóa an toàn trẻ em cửa sau (hai bên) • Hệ thống chống khởi động động cơ
*1 Kính cửa sổ phía trước bên lái và bên hành khách có chức năng tự động lên/xuống và chống kẹt.
*2 Apple CarPlay là nhãn hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
*3 Android và Android Auto là nhãn hiệu của Google Inc.
*4 Khả năng cung cấp và tương thích của kết nối không dây có thể thay đổi tùy theo thông số kỹ thuật của từng thị trường và loại điện thoại hoặc thiết bị di động được sử dụng.
*5 Bluetooth là nhãn hiệu đã đăng ký của Bluetooth SIG, Inc. America.
*6 Sạc không dây Qi có thể không tương thích với tất cả điện thoại di động.
*7 Có sẵn với SI-DRIVE 2 chế độ (Chế độ Intelligent, Chế độ Sport).
*8 SRS: Hệ thống hạn chế bổ sung. Có hiệu quả khi sử dụng kết hợp với dây đai an toàn.
Trang bị tiêu chuẩn và tùy chọn, danh mục phiên bản có thể thay đổi tùy theo từng thị trường. Vui lòng liên hệ đại lý Subaru được ủy quyền tại địa phương để biết thêm chi tiết.
Thông số kỹ thuật có thể thay đổi tùy theo từng thị trường. Vui lòng liên hệ đại lý Subaru được ủy quyền tại địa phương để biết thêm chi tiết.